

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với mặt hàng bột ngọt nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trình tự thủ tục áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu được thực hiện theo pháp luật về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Ngoại giao;
Thông tin và Truyền Thông;
- Tổng cục Hải quan;
- Vụ CST (Bộ Tài chính);
- Các Thứ trưởng;
- Các Cục/Vụ: CNNG, XNK, DB, PC, TC;
- Lưu: VT, QLCT (04).

BỘ TRƯỞNG



Vũ Huy Hoàng

THÔNG BÁO**V/v tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ chính thức**

*(Kèm theo Quyết định số **920/QĐ-BCT** ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Theo quy định của Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam và Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Bộ Công Thương thông báo nội dung chi tiết về việc tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu đối với mặt hàng bột ngọt (tên tiếng anh: Monosodium glutamate – MSG), mã HS:2922.4220 nhập khẩu vào Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Thông tin cơ bản

Ngày 1 tháng 9 năm 2015, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 9269/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng bột ngọt nhập khẩu vào Việt Nam từ nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ khác nhau.

2. Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp tự vệ chính thức

Hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp tự vệ chính thức là mặt hàng bột ngọt (còn được gọi là mỳ chính), có mã HS:2922.4220.

3. Mức thuế tự vệ toàn cầu

Bộ Công Thương sẽ áp dụng biện pháp tự vệ chính thức dưới dạng thuế nhập khẩu bổ sung đối với hàng hóa nói trên theo mức thuế cụ thể như sau:

Thời gian có hiệu lực	Mức thuế tự vệ
25/3/2016 – 24/3/2017	4.390.999 đồng/tấn
25/3/2017 – 24/3/2018	3.951.899 đồng/tấn
25/3/2018 – 24/3/2019	3.556.710 đồng/tấn

25/3/2019 – 24/3/2020	3.201.039 đồng/tấn
Từ ngày 25/3/2020 trở đi	0 đồng/tấn (nếu không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ)

4. Các quốc gia/vùng lãnh thổ được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ chính thức

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, biện pháp tự vệ chính thức được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ khác nhau, ngoại trừ các nước đang phát triển và kém phát triển có lượng xuất khẩu vào Việt Nam không quá 3% tổng lượng nhập khẩu của Việt Nam từ tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ. Danh sách các quốc gia/vùng lãnh thổ được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ chính thức được liệt kê tại **Phụ lục 1** của Thông báo này.

Đối với các tổ chức/cá nhân nhập khẩu mặt hàng bột ngọt, để được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ chính thức như trên, khi nhập khẩu hàng hoá cần phải cung cấp cho cơ quan hải quan các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ như sau:

- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin), trên đó ghi rõ hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ các quốc gia/vùng lãnh thổ có trong danh sách tại Phụ lục 1 của Thông báo này;

- Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (Mill-test certificate) do nhà sản xuất sản phẩm đặt tại các quốc gia/vùng lãnh thổ có trong danh sách tại Phụ lục 1 của Thông báo này ban hành.

5. Thời gian biện pháp tự vệ toàn cầu có hiệu lực

Biện pháp tự vệ chính thức có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ra Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức.

6. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu

Biện pháp tự vệ chính thức sẽ được áp dụng trong thời gian 4 năm kể từ ngày Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức có hiệu lực (nếu không được gia hạn áp dụng).

7. Cơ sở áp dụng biện pháp tự vệ chính thức

Căn cứ trên những thông tin do các bên liên quan cung cấp và các phân tích như trên trong vụ việc này, Cơ quan điều tra đánh giá như sau:

- Khối lượng bột ngọt được nhập khẩu vào Việt Nam gia tăng đột biến, cả về mặt tuyệt đối và tương đối, trong giai đoạn điều tra.
- Ngành sản xuất trong nước đã phải gánh chịu thiệt hại nghiêm trọng như giảm thị phần, lượng bán hàng trong nước, sản lượng, công suất, doanh thu, lợi nhuận, đầu tư, nhân công trong giai đoạn điều tra.
- Việc gia tăng nhập khẩu là nguyên nhân chính dẫn đến thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.
- Sự suy giảm trong phát triển kinh tế tại Trung Quốc trong năm 2014 và việc Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá với sản phẩm bột ngọt nhập khẩu từ Trung Quốc được xem là “những diễn biến không lường trước” và là nguyên nhân lý giải sự gia tăng đột biến hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Việt Nam.

Báo cáo chính thức (bản tóm tắt) của Cơ quan điều tra (Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương) được thể hiện tại **Phụ lục 2** của Thông báo này.

8. Thủ tục tiếp theo

Sau khi biện pháp tự vệ chính thức có hiệu lực, Tổng Cục hải quan Việt Nam sẽ tiến hành áp dụng thu thuế nhập khẩu bổ sung với các mức thuế theo lộ trình nêu tại mục 3 ở trên đối với hàng hóa bị điều tra từ tất cả các nước/vùng lãnh thổ, ngoại trừ những nước/vùng lãnh thổ thuộc danh sách loại trừ trong **Phụ lục 1** của Thông báo này.

9. Thông tin liên hệ

Thông tin về quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với sản phẩm bột ngọt có thể truy cập tại trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương (<http://www.moit.gov.vn>) và Cục Quản lý cạnh tranh (<http://www.vca.gov.vn> hoặc <http://www.qlct.gov.vn>).

Mọi thông tin liên lạc và bình luận xin gửi về:

Phòng Điều tra vụ kiện phòng vệ thương mại của doanh nghiệp trong nước -
Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 4) 222.05002 (Máy lẻ: 1038) (anh Trường Hưng)

Fax: (+84 4) 222.05003

Email: hungnht@moit.gov.vn; hoặc ninhhtt@moit.gov.vn.

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo về việc tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ chính thức

Kèm theo Quyết định số **920**/QĐ-BCT ngày 10 tháng 3 năm 2016 của

Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Tiểu vùng Sahara - Châu Phi:

Angola	Madagascar	Nigeria
Benin	Malawi	Rwanda
Botswana	Mali	Sao Tome and Principe
Burkina Faso	Mauritania	Senegal
Burundi	Mauritius	Sierra Leone
Cabo Verde	Mozambique	Somalia
Cameroon	Namibia	South Africa
Central African Republic	Niger	South Sudan
Chad	Gabon	Sudan
Comoros	Gambia, The	Swaziland
Congo, Dem. Rep.	Ghana	Tanzania
Congo, Rep.	Guinea	Togo
Cote d'Ivoire	Guinea-Bissau	Uganda
Eritrea	Kenya	Zambia
Ethiopia	Lesotho	Zimbabwe
	Liberia	

2. Châu Á - Thái Bình Dương

American Samoa	Myanmar
Cambodia	Palau
Fiji	Papua New Guinea
Kiribati	Philippines
Korea, Dem. Rep.	Samoa
Lao PDR	Solomon Islands
Malaysia	Timor-Leste
Marshall Islands	Tonga
Micronesia, Fed. Sts.	Tuvalu
Mongolia	Vanuatu

3. Châu Âu và Trung Á

Albania	Macedonia, FYR
Armenia	Moldova
Azerbaijan	Montenegro
Belarus	Romania
Bosnia and Herzegovina	Serbia
Bulgaria	Tajikistan
Georgia	Turkey
Kazakhstan	Turkmenistan
Kosovo	Ukraine
Kyrgyz Republic	Uzbekistan

4. Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê

Belize	Guyana
Bolivia	Haiti
Brazil	Honduras
Colombia	Jamaica
Costa Rica	Mexico
Cuba	Nicaragua
Dominica	Panama
Dominican Republic	Paraguay
Ecuador	Peru
El Salvador	St. Lucia
Grenada	St. Vincent and the Grenadines
Guatemala	Suriname

5. Trung Đông và Bắc Phi

Algeria	Libya
Djibouti	Morocco
Egypt, Arab Rep.	Syrian Arab Republic
Iran, Islamic Rep.	Tunisia
Iraq	West Bank and Gaza
Jordan	Yemen, Rep.
Lebanon	

6. Nam Á

Afghanistan	Maldives
Bangladesh	Nepal
Bhutan	Pakistan
India	Sri Lanka

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông báo về việc tiến hành áp dụng biện pháp tự vệ chính thức

*Kèm theo Quyết định số **920**/QĐ-BCT ngày 10 tháng 3 năm 2016 của*

Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BÁO CÁO CUỐI CÙNG

(Bản tóm tắt công khai)

1. Tổng quan vụ việc

Ngày 09 tháng 6 năm 2015, Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều tra) nhận được Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng bột ngọt nhập khẩu vào Việt Nam, có mã HS: 2922.42.20 (sau đây gọi tắt là Hàng hóa bị điều tra), của Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bên yêu cầu).

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Cơ quan điều tra đã ban hành công văn 470/QLCT-P2 yêu cầu công ty Vedan bổ sung thông tin trong Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ.

Ngày 20 tháng 7 năm 2015, Công ty Vedan đã gửi các thông tin bổ sung theo yêu cầu.

Ngày 31 tháng 7 năm 2015, Cơ quan điều tra ban hành công văn 596/QLCT-P2 xác nhận Hồ sơ hợp lệ.

Ngày 01 tháng 9 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 9269/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với Hàng hóa thuộc đối tượng điều tra.

Ngày 08 tháng 9 năm 2015, Cơ quan điều tra đã gửi Bản câu hỏi điều tra cho các Bên liên quan. Thời hạn trả lời Bản câu hỏi điều tra là 30 ngày kể từ ngày gửi Bản câu hỏi điều tra, tức là trước 17h00 ngày 08 tháng 10 năm 2015.

Ngày 19 đến ngày 23 tháng 10 năm 2015, trên cơ sở xem xét, nghiên cứu thông tin từ các Bản trả lời câu hỏi điều tra do các Bên liên quan cung cấp, Cơ quan điều tra đã tiến hành thẩm tra tại chỗ đối với một số doanh nghiệp sản xuất

Hàng hóa tương tự và/hoặc Hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong nước (sau đây gọi tắt là Nhà sản xuất trong nước).

Ngày 21 đến ngày 23 tháng 12 năm 2015, Cơ quan điều tra đã tiến hành thẩm tra các doanh nghiệp nhập khẩu đã trả lời Bản câu hỏi của Cơ quan điều tra.

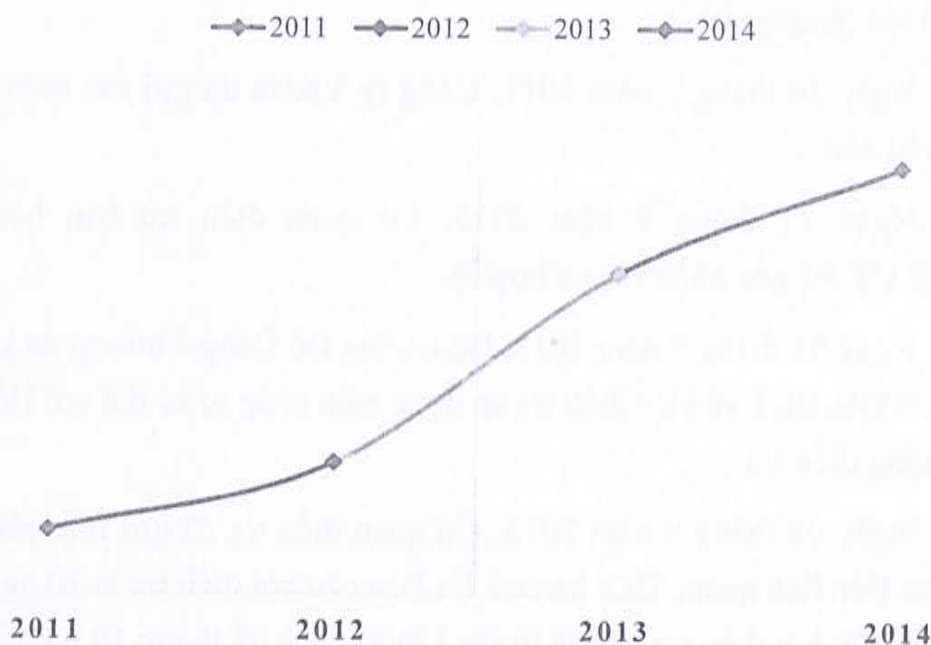
Ngày 19 tháng 01 năm 2016, Cơ quan điều tra đã tổ chức Phiên tham vấn công khai vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng bột ngọt nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Kết luận chính thức về sự gia tăng tuyệt đối và tương đối của lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng điều tra

Dựa trên số liệu tổng hợp từ Tổng cục Hải quan và các phân tích cụ thể trong báo cáo, Cơ quan điều tra xác định có sự gia tăng một cách tuyệt đối về tổng lượng nhập khẩu và trị giá hàng hóa thuộc đối tượng điều tra Việt Nam trong giai đoạn điều tra.

Biểu đồ 1: Lượng nhập khẩu của hàng hóa bị điều tra trong giai đoạn 2011-2014

Đơn vị: tấn



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nếu xem xét sự gia tăng tương đối giữa hàng nhập khẩu với tổng lượng tiêu thụ trong nước cũng có thể thấy mức gia tăng rất lớn, và tốc độ ngày càng tăng so với các năm trước. Do đó, Cơ quan điều tra kết luận có sự gia tăng một cách tương đối của hàng hóa nhập khẩu so với lượng tiêu thụ nội địa trong giai đoạn điều tra.

Bảng 1: Gia tăng tương đối của hàng nhập khẩu so với lượng bán hàng nội địa của ngành sản xuất nội địa

	ĐVT	2011	2012	2013	2014
Lượng nhập khẩu	Tấn	8.974,69	18.143,27	43.935,01	58.446,35
Tăng/giảm (1)	%	-	102,2%	142,2%	33,0%
Tổng lượng tiêu thụ trong nước (index 100)	Tấn	100	100.49	111.42	108.62
Tăng/giảm (2)	%	-	0,49%	10,89%	-2,52%
Tỷ lệ tăng tương đối của nhập khẩu (3) = (1)-(2)	%	-	101,71%	131,31%	35,52%

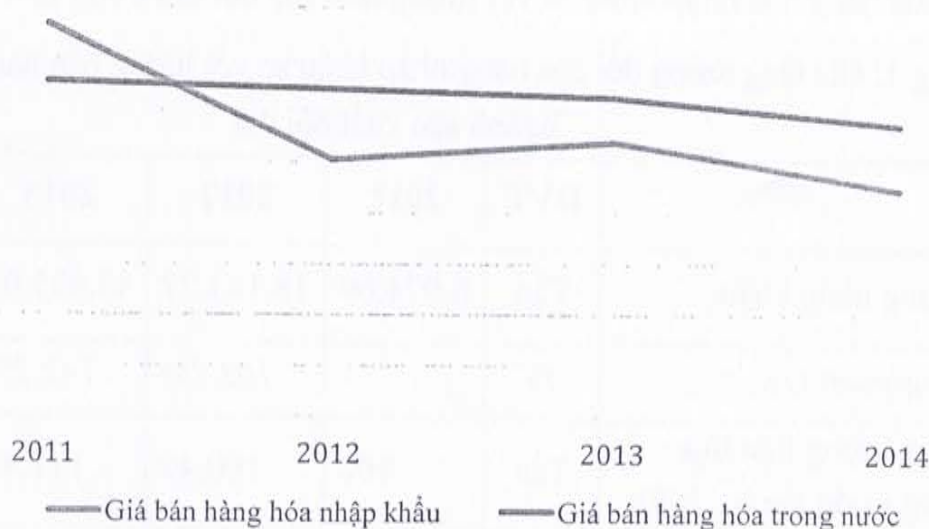
Nguồn: Tổng cục Hải quan và tổng hợp bản trả lời câu hỏi của các nhà sản xuất trong nước

3. Kết luận về tác động ép giá và kìm giá của hàng hóa nhập khẩu

Để phân tích tác động về giá của hàng hóa nhập khẩu, Cơ quan điều tra đã tiến hành tính toán giá bán của hàng hóa nhập khẩu tại thị trường Việt Nam và giá bán của hàng hóa trong nước dựa trên số liệu do Tổng cục Hải quan cung cấp và Bản trả lời câu hỏi của các nhà xuất khẩu, nhập khẩu và các nhà sản xuất trong nước. Căn cứ theo các dữ liệu đã nhận được, kết quả phân tích cho thấy như sau:

- Tác động ép giá: Sức ép của hàng hoá nhập khẩu đối với giá bán trong nước bắt đầu từ năm 2011, khi giá bán trong nước đã có sự thay đổi nhẹ, giảm khoảng 2-3%. Tuy nhiên, năm 2014, giá bán đột ngột giảm 8,7% trước sự ồ ạt của hàng nhập khẩu đang bán với giá rẻ hơn trên thị trường.

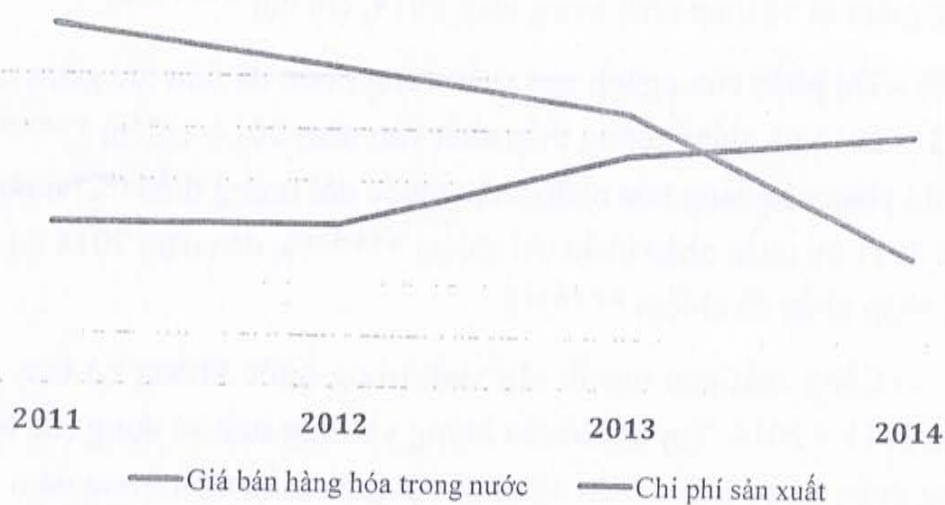
Biểu đồ 2: So sánh giá bán của hàng hoá trong nước và hàng hoá nhập khẩu trong giai đoạn 2011-2014



Nguồn: Tổng cục Hải quan và tổng hợp bản trả lời câu hỏi của các nhà sản xuất trong nước, các nhà nhập khẩu.

- Tác động kìm giá: trong các năm 2012, 2013, giá bán trong nước và chi phí sản xuất vẫn ở mức phù hợp khi mà tỷ lệ giữa giá bán và chi phí sản xuất luôn ở mức phù hợp để ngành sản xuất vẫn có lãi mặc dù chi phí sản xuất có sự gia tăng. Tuy nhiên trong năm 2014, khi chi phí sản xuất tăng 1,5% thì giá bán trong nước lại phải giảm mạnh tới 8,7%, điều này là trái với quy luật thị trường vì khi chi phí sản xuất tăng thì giá bán cũng phải tăng tương ứng. Trong năm 2014, chi phí sản xuất thậm chí còn cao hơn gần *****triệu đồng/tấn. Như vậy, Cơ quan điều tra nhận định rằng ngành sản xuất trong nước đang đứng trước nguy cơ đe dọa thiệt hại nghiêm trọng nếu mức giá này tiếp tục phải duy trì để cạnh tranh với hàng hoá nhập khẩu.

Biểu đồ 3: So sánh chi phí sản xuất và giá bán của hàng hoá trong nước trong giai đoạn 2011-2014



Nguồn: Tổng hợp bản trả lời của các nhà sản xuất trong nước

4. Kết luận chính thức về các diễn biến không lường trước

- Sự suy giảm trong phát triển kinh tế không được như mong đợi của Trung Quốc đã ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, bán hàng của Trung Quốc do nhu cầu tiêu dùng nội địa sụt giảm.

- Sản phẩm bột ngọt của Trung Quốc bị áp thuế CBPG tại Hoa Kỳ lên tới 52,27% đã ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc và gia tăng lượng tồn kho hàng hóa sản xuất trong nước do không thể xuất khẩu sang một trong những thị trường lớn nhất của Trung Quốc.

5. Kết luận chính thức về thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước

Để đánh giá mức độ thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra đã tiến hành đánh giá từng tiêu chí xác định mức độ thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, cụ thể như sau:

- Lượng bán hàng của ngành sản xuất trong nước đã giảm đi đáng kể trong giai đoạn 2011 - 2014.

- Trong thời kỳ từ 2011 -2013, lượng tiêu thụ toàn thị trường đã tăng. Tuy nhiên trong năm 2014, lượng tiêu thụ toàn thị trường giảm đi trong khi đó hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam vẫn tiếp tục gia tăng .

- Đối với chỉ số về lợi nhuận, ngành sản xuất trong nước đều có lãi trong giai đoạn 2011 – 2014. Tuy nhiên chỉ số lợi nhuận liên tục giảm và giảm nhanh trong năm 2014. Ngoài ra, tỷ suất lợi nhuận của Ngành sản xuất trong nước ngày càng giảm đi và thấp nhất trong năm 2014, chỉ đạt ***** %.

- Thị phần của ngành sản xuất trong nước đã liên tục giảm trong giai đoạn 2011 – 2014 và giảm xuống thấp nhất vào năm 2014, chiếm ***** %. Trong khi đó, thị phần của hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng điều tra lại tăng lên liên tục, năm 2011 thị phần nhập khẩu chỉ chiếm *****%, đến năm 2014 thị phần của hàng hóa nhập khẩu đã chiếm *****%.

- Công suất của ngành sản xuất trong nước không có thay đổi trong giai đoạn 2011 – 2014. Tuy nhiên sản lượng và công suất sử dụng của Ngành sản xuất trong nước đã có nhiều biến động và đạt mức thấp nhất trong năm 2014.

- Hiệu quả đầu tư của ngành sản xuất trong nước liên tục giảm trong giai đoạn 2011 -2014, và năm 2014 là năm có hiệu quả đầu tư thấp nhất.

- Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của ngành sản xuất trong nước tăng trong giai đoạn 2011 – 2014, cho thấy ngành sản xuất trong nước sẽ gặp nhiều khó khăn đối với khả năng tăng vốn hoặc mở rộng đầu tư.

- Lượng tồn kho hàng hóa tương tự của ngành sản xuất trong nước tăng nhẹ trong giai đoạn 2011 – 2014 và tăng mạnh trong năm 2014.

- Số lượng người lao động đã tăng lên vào năm 2012 và bắt đầu giảm đi từ năm 2012 -2014. Lương bình quân lao động đã tăng đều trong giai đoạn 2011 - 2014.

- Năng suất lao động của Ngành sản xuất trong nước tăng lên cao nhất vào năm 2013 và bắt đầu giảm đi đáng kể trong năm 2014 và cũng là năm có năng suất lao động thấp nhất trong giai đoạn 2011 – 2014.

Như vậy, xét một cách tổng thể, hoạt động kinh doanh ngành sản xuất trong nước không có nhiều biến động và tương đối ổn định trong giai đoạn 2011 – 2012. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2013 và đặc biệt trong năm 2014, các chỉ số đánh giá thiệt hại của Ngành sản xuất trong nước đều đã sụt giảm khá rõ ràng, điều này cho thấy ngành sản xuất trong nước *đã và đang phải đối mặt với thiệt hại nghiêm trọng*.

6. Kết luận chính thức về mối quan hệ nhân quả

Cơ quan điều tra cũng đã xem xét các yếu tố khác có thể tác động đến ngành sản xuất trong nước để phân tích mối quan hệ nhân quả giữa hàng hóa nhập khẩu gia tăng đột biến và các thiệt hại vật chất hoặc đe dọa thiệt hại vật chất đối với ngành sản xuất trong nước, cụ thể như sau:

- Thị phần: Thị phần của Ngành sản xuất trong nước trên thị trường Việt Nam liên tục giảm trong các năm 2012, 2013 và 2014 với các chỉ số lần lượt là ****%, ****% và ****%. Điều đáng nói là việc giảm thị phần của ngành sản xuất trong nước lại tương ứng với sự tăng lên của thị phần của hàng hóa nhập khẩu trên thị trường Việt Nam (lần lượt là ****%, ****% và ****%).

- Sản xuất, bán hàng: Năm 2014 mặc dù ngành sản xuất trong nước đã giảm 9,58% sản lượng khi lượng cầu trong nước giảm nhẹ (2,52%) nhưng tồn kho năm 2014 lại tăng cao (tồn kho tăng ở mức 58,1% - tăng gấp 13 lần so với mức tăng tồn kho của năm 2011. Bên cạnh đó, lượng bán nội địa của ngành sản xuất trong nước cũng giảm 21,56%, lợi nhuận giảm 21,95%.

- Xuất khẩu: Có thể thấy rằng lượng xuất khẩu bột ngọt của Ngành sản xuất trong nước đã có sự tăng trưởng. Trong đó, năm 2014, lượng xuất khẩu tăng 39,9% so với năm 2013.

- Cầu thị trường và nhu cầu thị trường nội địa: Năm 2014, lượng cầu trong nước giảm 2,52%, trong khi đó lượng bán hàng nội địa của ngành sản xuất trong nước giảm mạnh ở mức 21,6% và cùng với đó là sự gia tăng mạnh mẽ của lượng hàng nhập khẩu lên mức 33%. Điều này cho thấy sự sụt giảm nhẹ về lượng cầu trong nước không phải là nguyên nhân dẫn tới thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

- Thay đổi trong công nghệ: Trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, ngành sản xuất trong nước liên tục tiến hành cải thiện, nâng cấp hệ thống, quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chi phí sản xuất. Do vậy, việc phát triển khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu chi phí không phải là nguyên nhân dẫn tới thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Các sản phẩm bột ngọt của các nhà sản xuất trong nước hiện nay được đánh giá có chất lượng tương đương với các sản phẩm nhập khẩu.

Sau khi xem xét các yếu tố khác có thể tác động đến ngành sản xuất trong nước, có thể kết luận rằng các yếu tố khác có tác động rất nhỏ đến tình hình khó

khẩn của ngành hiện nay, do đó, có tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa sự gia tăng đột biến hàng hóa nhập khẩu và thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.